TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **332**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 231/2025/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông DĐM**, sinh ngày 01/6/1976; CCCD số: 001***116; nơi đăng ký thường trú: Số 124 phố TS, phường Đ, thành phố H; nơi ở: Phòng 1208 Tòa nhà SR 3B, Khu đô thị SĐ, phường PL, thành phố H.

- *Bị đơn:* **Bà NTTH**, sinh ngày 08/11/1978; CCCD số: 036***982; nơi đăng ký thường trú: Số 124 phố TS, phường Đ, thành phố H; nơi ở: Phòng 1208 Tòa nhà SR 3B, Khu đô thị SĐ, phường PL, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông DĐM, sinh năm 1976 và bà NTTH, sinh năm 1978.

2. Công nhận sự thoả thuận của ông DĐM và bà NTTH, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Ông M và bà H cùng xác định ông bà có 02 con chung là anh DMĐ, sinh ngày 01/4/2003 và chị DHL, sinh ngày 01/01/2006. Anh Đ và chị L đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần nên ông M và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Ông M và bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông M chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0009547 ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5). Hoàn trả ông M 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố H;s
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H – Phòng thi hành án KV5;
- UBND phường Đ, tp H (GCNKH số 47/2002 của UBND p.Quang Trung, q.Đ cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.